UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: **420** /BC-SNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 8 năm 20

BÁO CÁO CẬP NHẬT TÌNH HÌNH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Báo cáo đến 16 giờ ngày 27/8/2019)

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo										Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động ph chống dịch		
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy							
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó						
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Hóa chất (lít)	Vôi bột (tấn)	Chốt kiểm dịch tạm thời
Tổng cộng		**97 xã**			**3**	**448**	**21**	**1.861**	**102**	**18**		**51**	**33**	**102**	**18**		**51**	**33**	**16.881**	**2.011**	**48**	**9.810**	**5.012**	**16.881**	**2.011**	**48**	**9.810**	**5.012**	**840.940**	**9.608**	**107**	**81**
I	***H. Chiêm Hóa***	***14 xã***			***1***	***35***	***4***	***93***	***50***	***1***		***36***	***13***	***50***	***1***		***36***	***13***	***1.154***	***75***		***918***	***161***	***1.154***	***75***		***918***	***161***	***47.838***	***918***	***2***	***4***
1	Vinh Quang	21/5/2019	19/7/2019	**39**		6		13											*430*	6		419	5	*430*	6		419	5	20.823	198	2,0	2
2	Tân Mỹ	28/5/2019	27/6/2019	**61**		4		9											*94*	6		67	21	*94*	6		67	21	2.894	54		1
3	Yên Nguyên	28/5/2020	28/5/2019	**91**		2		2											*21*			21		*21*			21		1.072	66		1
4	Tri Phú	29/5/2019	29/5/2019	**90**		1		2											*47*	6		41		*47*	6		41		3.560	45		
5	Phúc Sơn	31/5/2019	19/8/2019	8		3		6											*44*	6		38		*44*	6		38		1.930	48		
6	TT Vĩnh Lộc	05/6/2019	05/6/2019	**83**		1		1											*5*	2		3		*5*	2		3		135	69		
7	Hùng Mỹ	19/6/2019	20/8/2019	7		1		4											*47*	6		7	34	*47*	6		7	34	1.018	42		
8	Hòa Phú	03/7/2019	03/7/2019	**55**		1		1											*6*			6		*6*			6		636	120		
9	Tân An	19/7/2019	22/8/2019	5		4	1	37	*14*	1			13	*14*	1			13	*261*	35		141	85	*261*	35		141	85	8.096	88		
10	Xuân Quang	22/7/2019	05/8/2019	22		2		3											*26*	1		25		*26*	1		25		921	48		
11	Phúc Thịnh	31/7/2019	20/8/2019	7		2		2											*71*	2		53	16	*71*	2		53	16	2.886	55		
12	Ngọc Hội	01/8/2019	15/8/2019	12		3		5											*35*	2		33		*35*	2		33		1.479	45		
13	Linh Phú	06/8/2019	19/8/2019	8		4		5											*31*	3		28		*31*	3		28		1.278	40		
14	Kiên Đài	23/8/2019	23/8/2019	4	1	1	3	3	*36*			36		*36*			36		*36*			36		*36*			36		1.110			
II	***H. Sơn Dương***	***27 xã***				***123***		***326***											***4.379***	***413***	***11***	***2.629***	***1.326***	***4.379***	***413***	***11***	***2.629***	***1.326***	***246.546***	***1.109***	***56***	***33***
1	Thiện Kế	24/5/2019	13/8/2019	14		10		65											*1.229*	123	2	583	521	*1.229*	123	2	583	521	70.244	68	5	2
2	Sơn Nam	25/5/2019	22/8/2019	5		13		18											*291*	46	1	143	101	*291*	46	1	143	101	18.283	40	3	1
3	Văn Phú	30/5/2019	26/6/2019	**62**		2		4											*54*	3		51		*54*	3		51		2.994	100	5	5
4	Hợp Thành	30/5/2019	10/8/2019	17		5		10											*187*	17	1	95	74	*187*	17	1	95	74	9.679	27	1,5	1
5	Hào Phú	31/5/2019	28/7/2019	**30**		6		9											*45*	10		29	6	*45*	10		29	6	3.285	10	0,55	3
6	Đại Phú	01/6/2019	23/8/2019	4		10		21											*257*	18		194	45	*257*	18		194	45	13.282	200	7	1
7	Ninh Lai	01/6/2019	30/7/2019	28		7		17											*239*	15	1	189	34	*239*	15	1	189	34	11.713	180	6	1
8	Hồng Lạc	04/6/2019	28/6/2019	**60**		3		3											*38*	1		25	12	*38*	1		25	12	942	10	0,50	
9	Trung Yên	03/6/2019	19/8/2019	8		6		10											*119*	7	2	88	22	*119*	7	2	88	22	5.770	25	1,58	2
10	Phú Lương	05/6/2019	09/6/2019	**79**		3		3											*16*			16		*16*			16		546	20	1,0	
11	Quyết Thắng	07/6/2019	19/8/2019	8		4		25											*258*	17		170	71	*258*	17		170	71	13.028	58	2,0	3
12	Vĩnh Lợi	08/6/2019	24-25/8/2019	2		12		53											*329*	47	2	200	80	*329*	47	2	200	80	22.898	64	7,04	2

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo										Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động ph chống dịch		
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy							
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó						
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Hóa chất (lít)	Vôi bột (tấn)	Chốt kiểm dịch tạm thời
13	Chi Thiết	08/6/2019	26/6/2019	**32**		4		7											*103*	25	1	28	49	*103*	25	1	28	49	7.623	10		2
14	Thượng Ấm	10/6/2019	23/8/2019	4		8		13											*139*	5		134		*139*	5		134		8.946	49	1,00	2
15	Tú Thịnh	13/6/2019	22/8/2019	5		3		13											*210*	20		149	41	*210*	20		149	41	15.601	56	4,5	4
16	Tuân Lộ	17/6/2019	02/8/2019	25		2		4											*122*	5		73	44	*122*	5		73	44	4.061	24	1,3	2
17	Minh Thanh	19/6/2019	24/8/2019	3		7		14											*117*	13		78	26	*117*	13		78	26	6.332	18	1,40	
18	Bình Yên	19/6/2019	12/7/2019	**46**		2		3											*20*	2		9	9	*20*	2		9	9	912	30	0,05	1
19	Tam Đa	22/6/2019	19/7/2019	**39**		1		4											*36*	3		23	10	*36*	3		23	10	1.066	16	0,30	1
20	Vân Sơn	26/6/2019	26/6/2019	**62**		1		1											*17*			17		*17*			17		1.104	12	0,50	
61	Hợp Hòa	01/7/2019	25/8/2019	2		5		10											*415*	20	1	238	156	*415*	20	1	238	156	18.642	61	1,95	
22	Lâm Xuyên	05/7/2019	05/7/20019	**53**		1		2											*2*	2				*2*	2				620	5	0,20	
23	Lương Thiện	19/7/2019	30/7/2019	28		2		4											*26*	4		5	17	*26*	4		5	17	1.019	5	0,50	
24	TT Sơn Dương	19/7/2019	10/8/2019	17		2		3											*8*			8		*8*			8		536	6	2,00	
25	Tân Trào	30/7/2019	19/8/2019	8		2		3											*44*	3		41		*44*	3		41		3.254	5	0,92	
26	Thanh Phát	03/8/2019	03/8/2019	24		1		2											*27*	2		17	8	*27*	2		17	8	1.556	5	0,60	
27	Đồng Quý	05/8/2019	18/8/2019	9		1		5											*31*	5		26		*31*	5		26		2.610	5	0,29	
III	***H. Hàm Yên***	***11 xã***				***68***		***193***											***1.506***	***133***	***1***	***1.185***	***187***	***1.506***	***133***	***1***	***1.185***	***187***	***63.784***	***2.102***	***12,7***	***3***
1	Đức Ninh	23/5/2019	24/8/2019	4		12		32											*319*	34		234	51	*319*	34		234	51	13.790		1,00	1
2	Thái Sơn	26/5/2019	20/8/2019	7		6		12											*185*	15	1	159	10	*185*	15	1	159	10	8.558			1
3	Tân Thành	26/5/2019	06/6/2019	**81**		1		6											*97*	3		86	8	*97*	3		86	8	2.261			1
4	Thái Hòa	31/5/2019	19/8/2019	8		10		20											*173*	16		134	23	*173*	16		134	23	8.447			
5	Phù Lưu	04/6/2019	23/8/2019	4		15		30											*138*	10		114	14	*138*	10		114	14	6.339			
6	Hùng Đức	04/6/2019	19/8/2019	8		11		43											*267*	26		212	29	*267*	26		212	29	9.570			
7	Yên Thuận	04/6/2019	23/8/2019	4		5		34											*154*	17		102	35	*154*	17		102	35	6.224			
8	Nhân Mục	19/6/2019	05/7/2019	**53**		2		7											*64*	5		59		*64*	5		59		4.687			
9	TT Tân Yên	24/6/2019	24/8/2019	3		2		3											*39*	4		35		*39*	4		35		1.647			
10	Minh Dân	10/7/2019	24/7/2019	**34**		1		2											*28*	1		17	10	*28*	1		17	10	1.098			
11	Minh Hương	21/8/2019	25/8/2019	2		3		4											*42*	2		33	7	*42*	2		33	7	1.163			
IV	***H. Yên Sơn***	***24 xã***				***117***		***843***											***7.359***	***1.048***	***23***	***3.560***	***2.728***	***7.359***	***1.048***	***23***	***3.560***	***2.728***	***358.381***	***1.561***	***24***	***22***
1	Trung Minh	26/5/2019	10/6/2019	17		3		14											*109*	8		64	37	*109*	8		64	37	6.216	47	2,252	
2	Hoàng Khai	26/5/2019	23-25/8/2019	2		10		127											*1.181*	207	3	456	515	*1.181*	207	3	456	515	41.458	68	0,65	4
3	Kim Phú	26/5/2019	22-25/8/2019	2		25		307											*1.905*	306	9	718	872	*1.905*	306	9	718	872	80.930	238	5,00	3
4	Hùng Lợi	29/5/2019	22/8/2019	5		3		20											*228*	6		214	8	*228*	6		214	8	18.724	277	2,070	2
5	Tiến Bộ	30/5/2019	10/8/2019	17		3		3											*134*	17		76	41	*134*	17		76	41	7.622	90	0,35	2
6	Công Đa	30/5/2019	20/8/2019	7		2		5											*83*	7		31	45	*83*	7		31	45	3.798	10	0,40	
7	Tứ Quận	30/5/2019	19-26/8/2019	1		9		44											*892*	100	3	629	160	*892*	100	3	629	160	67.999	90	0,70	
8	Thắng Quân	31/5/2019	23-25/8/2019	2		10		88											*1.053*	122	1	643	287	*1.053*	122	1	643	287	54.656	113	0,30	2

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo									Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động ph chống dịch		
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy							
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó						
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Hóa chất (lít)	Vôi bột (tấn)	Chốt kiểm dịch tạm thời
9	Nhữ Hán	7/6/2019	21/8/2019	6		4		11											*166*	25		76	65	*166*	25		76	65	8.118	79	0,30	4
10	Thái Bình	9/6/2019	24/8/2019	3		3		8											*71*	7		54	10	*71*	7		54	10	2.653	10	0,30	1
11	Trung Môn	12/6/2019	23-25/8/2019	2		4		40											*341*	66	3	95	177	*341*	66	3	95	177	15.395	70	0,15	
12	Chân Sơn	19/6/2019	24/8/2019	3		8		30											*234*	45		61	128	*234*	45		61	128	7.628	48	0,165	
13	Lang Quán	24/6/2019	21/8/2019	6		9		70											*436*	76	4	155	201	*436*	76	4	155	201	19.792	84	0,10	1
14	Đội Bình	27/6/2019	27/6/2019	**61**		1		1											*5*			5		*5*			5		102	44	0,05	
15	Nhữ Khê	27/6/2019	22/7/2019	**36**		3		3											*90*	11		45	34	*90*	11		45	34	3.648	112	10,52	2
16	Phú Lâm	05/7/2019	22/8/2019	5		5		13											*105*	9		81	15	*105*	9		81	15	5.883	80	0,150	
17	Kim Quan	20/7/2019	19/8/2019	8		4		12											*69*	4		54	11	*69*	4		54	11	3.582	80	0,150	
18	Xuân Vân	22/7/2019	21-23/8/2019	4		4		31											*129*	22		60	47	*129*	22		60	47	6.423			1
19	Phú Thịnh	29/7/2019	12/8/2019	15		1		6											*48*	5		6	37	*48*	5		6	37	1.222	3	0,010	
20	TT.Tân Bình	07/8/2019	07/8/2019	20		1		1											*18*	2			16	*18*	2			16	354	3	0,010	
21	Đạo Viện	08/8/2019	14/8/2019	13		1		2											*12*			12		*12*			12		524	6	0,010	
22	Tân Long	16/8/2019	21/8/2019	6		1		2											*8*	1		7		*8*	1		7		290	3	0,005	
23	Tân Tiến	21/8/2019	21/8/2019	6		1		1											*9*			9		*9*			9		379	2	0,005	
24	Quý Quân	22/8/2019	23/8/2019	4		2		4											*33*	2		9	22	*33*	2		9	22	985	4	0,010	
V	***TP. Tuyên Quang***	***12 xã***			***1***	***72***	***15***	***281***	***28***	***16***		***3***	***9***	***28***	***16***		***3***	***9***	***1.846***	***284***	***4***	***1.071***	***487***	***1.846***	***284***	***4***	***1.071***	***487***	***100.786***	***988***	***5,955***	***15***
1	An Tường	28/5/2019	25-26/8/2019	1		11	8	86	*9*	8		1		*9*	8		1		*400*	93	1	200	106	*400*	93	1	200	106	27.291	198	0,50	2
2	Nông Tiến	31/5/2019	02/7/2019	**56**		6		20											*166*	15		118	33	*166*	15		118	33	7.687	117	0,45	2
3	Hưng Thành	02/6/2019	23/8/2019	4		6		30											*303*	49	1	241	12	*303*	49	1	241	12	20.476	132	1,00	
4	Thái Long	09/6/2019	24/8/2019	3		3		10											*78*	19		51	8	*78*	19		51	8	5.370	129	2,00	
5	Tân Hà	10/6/2019	09/8/2019	18		8		9											*72*	3		61	8	*72*	3		61	8	4.515	105	0,105	
6	An Khang	10/6/2019	22/8/2019	5		7		26											*240*	27	1	128	84	*240*	27	1	128	84	9.335	229	0,50	2
7	Ỷ La	11/6/2019	19/8/2019	8		9		38											*273*	28		128	117	*273*	28		128	117	14.031	78	0,40	9
8	Minh Xuân	28/6/2019	14/8/2019	13		4		4											*44*	5		30	9	*44*	5		30	9	2.142			
9	Tràng Đà	07/7/2019	07/7/2019	**51**		1		1											*4*			4		*4*			4		97			
10	Phan Thiết	16/7/2019	17-18/7/2019	9		2		2											*11*			11		*11*			11		440			
11	Lưỡng Vượng	27/7/2019	25-26/8/2019	1		4	2	8	5	4		1		*5*	4		1		*39*	6		11	22	*39*	6		11	22	1.171			
12	Đội Cấn	30/7/2019	25/8/2019	2	1	11	5	47	14	4		1	9	*14*	4		1	9	*216*	39	1	88	88	*216*	39	1	88	88	8.231		1	
VI	***Lâm Bình***	***5 Xã***			***1***	***27***	***2***	***109***	***24***	***1***		***12***	***11***	***24***	***1***		***12***	***11***	***555***	***49***	***9***	***382***	***115***	***555***	***49***	***9***	***382***	***115***	***20.012***	***2.742***	***6,02***	***2***
1	Lăng Can	05/6/2019	28/6/2019	**60**		9		20											88	12		54	22	*88*	12		54	22	*2.637*	*521*		
S	Khuôn Hà	9/6/2019	26/8/2019	1		10		42	7			7		7			7		193	18	1	135	39	*193*	18	1	135	39	7.680	505	3	
3	Thượng Lâm	11/6/2019	26//8/2019	1	**1**	5	2	35	17	1		5	11	17	1		5	11	194	16	7	123	48	194	16	7	123	48	6.460	547	1,5	
4	Xuân Lập	26/6/2019	28/6/2019	**60**		1		2											9	1	1	1	6	*9*	1	1	1	6	*131*	*198*	*1*	
5	Thổ Bình	10/8/2019	22/8/2019	5		2		10											71	2		69		*71*	2		69		*3.104*	206	120	

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo										Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động ph chống dịch		
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy							
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó					Hóa chất (lít)	Vôi bột (tấn)	Chốt kiểm dịch tạm thời
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con				
VII	***Na Hang***	***4 Xã***				***6***		***16***											***82***	***9***		***65***	***8***	***82***	***9***		***65***	***8***	***3.594***	***188***	***0,800***	***2***
1	Năng Khả	15/6/2019	28/6/2019	**60**		3		9											49	6		43		*49*	6		43		2.488	132	0,5	2,0
2	Yên Hoa	19/6/2019	28/6/2019	**60**		1		2											8			8		*8*			8		305,5	31	0,20	
3	TT Na Hang	09/7/2019	10/7/2019	**47**		1		1											1	1				*1*	1				150	5	0,050	
4	Thượng Nông	11/7/2019	30/7/2019	28		1		4											24	2		14	8	*24*	2		14	8	650	20	0,050	

1. Mô tả diễn biến dịch trong ngày:

- Trong kỳ tăng **01** *(Kiên Đài)* xã **03** thôn, **21** hộ; Tổng số **97** xã, **448** thôn và **1.861** hộ chăn nuôi xuất hiện bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.
- Các xã qua **30** ngày chưa phát sinh ổ dịch mới: **27** xã, gồm có: Yên Nguyên, Tri Phú, TT Vĩnh Lộc, Hòa phú, Tân Mỹ, Vinh Quang *(H. Chiêm Hóa)*; Tân Thành, Nhân Mục, Minh Dân *(H. H Yên)*; Phú Lương, Văn Phú, Vân Sơn, Hồng Lạc, Lâm Xuyên, Bình Yên, Tam Đa, Chi Thiết, Hào Phú *(H. Sơn Dương)*; Đội Bình, Nhữ Khê *(H.Yên Sơn)*; Lăng Can, Xuân lập *(H. Lâm Bình*; N Khả, Yên Hoa, TT. Na Hang *(H. Na Hang)*; Nông Tiến, Tràng Đà *(TP. Tuyên Quang)*.
- Các xã qua **30** ngày phát sinh ổ dịch mới: **18** xã, gồm: Trung Yên, Hợp Thành, Tú Thịnh, Quyết Thắng, Sơn Nam, Đại Phú *(H. Sơn Dương)*; Thái Bình, Công Đa, Trung Minh, Tiến Bộ *(Yên S* Phúc Sơn, Hùng Mỹ *(Chiêm Hóa*); Yên Thuận, TT Tân Yên *(H. Hàm Yên)*; Thượng Lâm *(Lâm Bình*); P. Minh Xuân , P. Phan Thiết, Hưnng Thành (*TP. Tuyên Quang).*
- Có 02 xã công bố hết Dịch gồm*:* Xuân Lập, Lăng Can *(H. Lâm Bình)*
- Tiếp tục phát hiện lợn dương tính với bệnh Dịch tả Châu Phi; Tiến hành lấy mẫu bệnh phẩm để xác minh Bệnh Dịch tả Châu Phi đối với các điểm mới phát sinh (Tổng số mẫu đã lấy: **914** mẫu, tr đó: Dương tính: **510** mẫu, âm tính **404** mẫu)

2. Nhận định tình hình dịch: Nguy cơ phát sinh, lây lan thêm các ổ dịch mới là rất cao.

3. Các biện pháp chỉ đạo:

- Biện pháp kỹ thuật: Đã thực hiện việc tiêu hủy toàn bộ số lợn của các hộ chăn nuôi có kết quả dương tính với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Thực hiện việc vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trư thành lập các chốt kiểm dịch động vật thực hiện nghiêm túc công tác kiểm dịch vân chuyển, kiểm soát giết mổ lợn và giám sát chặt chẽ diễn biến tình hình đàn lợn trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản chỉ đạo: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các Sở ngành chức năng đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác phòng chống bệnh DTLCP.

- Quyết định công bố dịch: UBND các huyện, thành phố có ổ dịch mới phát sinh tiến hành các thủ tục công bố Dịch theo quy định của Luật Thú y.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Đại Thành

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Giám đốc Sở (Báo cáo);
- Các thành viên BCĐ PCDB động vật tỉnh theo QĐ 190 (Phối hợp);
- Các Phó giám đốc;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Phòng KH-TC Sở;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Lưu: VT.

)19

ıòng,
Tổ cơ động

ıông,
Tổ cơ động

...ông,
Tổ cơ động

ıòng,
Tổ cơ động

Hàm
Hăng

ɔn) ;

rong

ờng;